



Ký bởi: Bộ Giao  
Thông Vận tải  
Email: mt.gov.vn  
Cơ quan: Bộ Giao  
Thông Vận tải  
Thời gian ký:  
22.11.2017  
14:26:03 +07

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 432 /TB-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2017

## THÔNG BÁO

**THỦ TRƯỞNG BỘ GTVT NGUYỄN NHẬT - TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**  
tại cuộc họp Ban chỉ đạo quyết toán dự án hoàn thành

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN  
CÔNG VẬN ĐẾN  
Số: 432/2017  
Ngày: 22 tháng 11 năm 2017

Ngày 10/11/2017 tại Bộ GTVT, Thủ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Nhật, Trưởng Ban chỉ đạo đã chủ trì cuộc họp Ban chỉ đạo quyết toán dự án hoàn thành. Tham dự cuộc họp có toàn thể thành viên Ban chỉ đạo gồm Lãnh đạo các đơn vị: Vụ Tài chính, Vụ Đối tác công - tư, Cục QLXD & CLCTGT, Thanh tra Bộ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Ban QLDA 2, 4, 6, 7, 85, đường Hồ Chí Minh, Thăng Long, Sở GTVT Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi. Sau khi nghe thường trực Ban chỉ đạo báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành và ý kiến tham gia của các đơn vị; Thủ trưởng Nguyễn Nhật, Trưởng Ban chỉ đạo kết luận như sau:

1- Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch quyết toán năm 2017 Bộ đã giao cho đơn vị; Bộ sẽ xem xét đánh giá khen thưởng các đơn vị thực hiện tốt, kiểm điểm các đơn vị không hoàn thành; Bộ sẽ lấy chỉ tiêu chất lượng, tiến độ công tác quyết toán để làm cơ sở giao dự án mới cho các đơn vị.

2- Vụ Tài chính tổ chức họp đơn đốc Ban QLDA Hàng Hải, Đường sắt, các Sở GTVT và các đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch quyết toán;

3- Đối với các dự án BOT:

- Đối với 54 dự án BOT, BT đã chấp thuận quyết toán. Vụ DTCT khẩn trương đàm phán với các Nhà đầu tư và tham mưu cho Bộ ký phụ lục hợp đồng quy định về điều khoản xác định khoản vay để tính chi phí lãi vay xong trong tháng 1/2018;

- Đối với 26 dự án đã ký phụ lục hợp đồng quy định về điều khoản xác định khoản vay để tính chi phí lãi vay, yêu cầu các Nhà đầu tư quyết toán chi phí lãi vay, Ban QLDA kiểm tra, trình Bộ trước ngày 30/01/2018;

- Cục QLXD & CLCTGT chủ trì (phối hợp với Vụ KHCN và Trung tâm CNTT) tham tra và kiểm tra các dự toán công trình đối với phần mềm thu phí và trang thiết bị trạm thu phí còn lại chưa được thỏa thuận quyết toán, báo cáo Bộ GTVT (qua Vụ Tài chính) để thẩm tra quyết toán.

4- Đối với chi phí di chuyển thiết bị thi công, lao động đến công trường và chi phí sản xuất BTN đối với trạm trộn công suất từ 80 tấn/h đến <120 tấn/h: Bộ GTVT đã có văn bản số 10689/BGTVT-CQLXD ngày 20/9/2017, văn bản số 11745/BGTVT-CQLXD ngày 18/10/2017 yêu cầu Ban QLDA Thăng Long và

TEDI báo cáo đề xuất để Bộ hướng dẫn chung cho các dự án. Sau khi các đơn vị nêu trên có báo cáo, Cục QLXD & CLCTGT có trách nhiệm tham mưu triển khai.

5- Đối với một số định mức kinh tế kỹ thuật:

- Các chủ đầu tư, Nhà đầu tư, Ban QLDA khẩn trương thực hiện việc duyệt điều chỉnh dự toán công trình và điều chỉnh quyết toán đối với các công việc có định mức kinh tế kỹ thuật đã được Bộ ban hành tại văn bản số 11041/BGTVT-QLXD ngày 28/9/2017 về việc áp dụng các định mức dự toán công trình QL1 đoàn Thanh Hóa-Cần Thơ tại quyết định số 826/BGTVT-QLXD ngày 30/3/2017, số 1232/BGTVT-QLXD ngày 27/4/2017, số 2785/BGTVT-QLXD ngày 29/9/2017; định mức trạm bê tông nhựa 120 T/h tại quyết định số 1232/BGTVT-QLXD ngày 27/4/2017 và văn bản số 12036/BGTVT-QLXD ngày 25/10/2017. Các đơn vị trình duyệt toàn về Bộ GTVT trước ngày 31/12/2017.

- Cục QLXD & CLCTGT: Làm việc với Bộ Xây dựng để ban hành định mức trạm trộn bê tông nhựa công suất >120 T/h, định mức giằng cat chung.

6- Chỉ phí trượt giá của các dự án TPCP QL1 đoàn Thanh Hóa-Cần Thơ và đường HCM qua Tây Nguyên: Bộ đã ủy quyền cho các Ban QLDA duyệt chỉ phí trượt giá, tuy nhiên thực tế đa số các Ban QLDA thực hiện không thống nhất, chưa đúng theo chỉ đạo của Bộ tại văn bản số 11167/BGVT-QLXD ngày 18/10/2013 và văn bản số 15134/BGVT-QLXD ngày 13/11/2015 (về tính hệ số điều chỉnh (Pn) theo hàng mức công trình, thời điểm điều chỉnh trước 28 ngày chủ đầu tư chấp nhận hồ sơ thanh toán...) do vậy, Bộ giao Cục QLXD & CLCTGT:

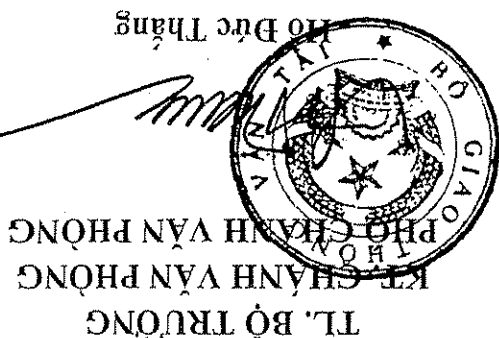
- Làm việc với từng Ban QLDA và Sở GTVT để hướng dẫn các đơn vị thực hiện duyệt dự toán phần trượt giá theo đúng quy định; Làm việc với Bộ Xây dựng để sớm hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Nghị định 207/2013/NĐ-CP (không điều chỉnh giá đối với giá trị tạm ứng);

- Trên cơ sở dự toán phần trượt giá do các Ban QLDA và các Sở GTVT phê duyệt, Cục QLXD & CLCTGT thực hiện kiểm tra dự toán phần trượt giá của toàn bộ các dự án QL1 đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường HCM qua Tây Nguyên, có văn bản báo cáo cụ thể số liệu dự toán phần trượt giá cho từng dự án về Bộ GTVT (qua Vụ Tài chính) để làm cơ sở thẩm tra quyết toán.

Thư lệnh Bộ trưởng, Văn phòng Bộ thông báo tới các cơ quan, đơn vị có liên quan biết và triển khai thực hiện./

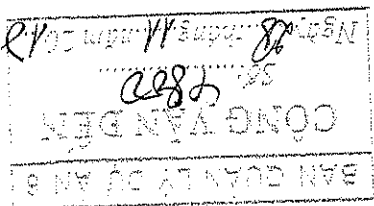
Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Nhật (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để b/c);
- Các Thành viên Ban chỉ đạo;
- Chánh VP Bộ (để b/c);
- Các đơn vị dự hợp; TEDI;
- Các Doanh nghiệp dự án BOT;
- Sở GTVT: Quảng Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Long An;
- Lưu VT, TH.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2017.



**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
Số: 43504/BGTVT-TC  
V/v xử lý vướng mắc, tồn tại  
trong công tác quyết toán  
dự án hoàn thành.

Kính gửi:



- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục: Hàng không Việt Nam, Hàng Hải Việt Nam, Đường  
Kiểm Việt Nam;
- Vụ: Đối tác công - tư, Tài chính; Khoa học công nghệ;
- Cục QLXD & CLCTGT;
- Trung tâm công nghệ Thông tin
- Các Ban QLDA: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 85, Thăng Long,
- Đường Hồ Chí Minh, đường sắt, Hàng Hải;
- Tổng công ty: Đường sắt, CIPM, VEC, TED, ACV;
- Các Sở GTVT (chủ đầu tư dự án QL1): Quảng Bình,
- Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Long An;
- Các Sở GTVT: Kon Tum, Lào Cai, Hà Nội;
- Các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án BOT, BT;

Thực hiện chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Bộ GTVT tại cuộc họp ngày 9/11/2017 và Thông báo cuộc họp Ban chỉ đạo quyết toán số 432/TB-GTVT ngày 21/11/2017 của Bộ GTVT, đề khẩn trương thực hiện kế hoạch quyết toán dự án hoàn thành và xử lý các tồn tại, vướng mắc trong công tác quyết toán dự án hoàn thành, Bộ GTVT yêu cầu:

1 - Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch quyết toán năm 2017 Bộ đã giao cho đơn vị; Bộ sẽ xem xét đánh giá khen thưởng các đơn vị thực hiện tốt, kiểm điểm các đơn vị không hoàn thành; Bộ sẽ lấy chỉ tiêu chất lượng, tiến độ công tác quyết toán để làm cơ sở giao dự án mới cho các đơn vị.

2 - Đối với 54 dự án BOT, BT đã chấp thuận quyết toán. Vụ Đối tác công - tư khẩn trương đàm phán với các Nhà đầu tư và tham mưu cho Bộ ký phụ lục hợp đồng quy định về điều khoản xác định khoản vay để tính chi phí lãi vay trong tháng 1/2018; Trong đó, có 26 dự án đã ký phụ lục hợp

đồng quy định về điều khoản xác định khoản vay để tính chi phí lãi vay, yêu cầu các Nhà đầu tư quyết toán chi phí lãi vay, Ban QLDA kiểm tra, trình Bộ trước ngày 30/01/2018;

3- Cục QLXD & CLCTGT chủ trì (phối hợp với Vụ KHCN và Trung tâm Công nghệ thông tin) thẩm tra và kiểm tra các dự toán công trình đối với phần mềm thu phí và trang thiết bị bị trạm thu phí còn lại chưa được thỏa thuận quyết toán, báo cáo Bộ GTVT (qua Vụ Tài chính) để thẩm tra quyết toán.

4- Đối với chi phí di chuyển thiết bị thi công, lao động đến công trường và chi phí sản xuất BTN đối với trạm trộn công suất từ 80 tấn/h đến <120 tấn/h: Bộ GTVT đã có văn bản số 10689/BGTVT-CQLXD ngày 20/9/2017, văn bản số 11745/BGTVT-CQLXD ngày 18/10/2017 yêu cầu Ban QLDA Thăng Long và TEDI báo cáo đề xuất để Bộ hướng dẫn chung cho các dự án. Sau khi các đơn vị nêu tên có báo cáo, Cục QLXD & CLCTGT có trách nhiệm tham mưu triển khai.

5- Đối với một số định mức kinh tế kỹ thuật:

- Các chủ đầu tư, Nhà đầu tư, Ban QLDA khẩn trương thực hiện việc trình, duyệt điều chỉnh dự toán công trình theo thẩm quyền và hoàn chỉnh quyết toán đối với các công việc: theo định mức kinh tế kỹ thuật đã được Bộ ban hành tại văn bản số 11041/BGTVT-CQLXD ngày 28/9/2017 về việc áp dụng các định mức dự toán công trình QLI đoàn Thanh Hóa-Cần Thơ tại quyết định số 826/BGTVT-CQLXD ngày 30/3/2017, số 1232/BGTVT-CQLXD ngày 27/4/2017, số 2785/BGTVT-CQLXD ngày 29/9/2017; định mức trạm trộn bê tông nhựa 120 T/h tại quyết định số 1232/BGTVT-CQLXD ngày 27/4/2017 và văn bản số 12036/BGTVT-CQLXD ngày 25/10/2017. Các đơn vị trình quyết toán về Bộ GTVT trước ngày 31/12/2017.

- Giao Cục QLXD & CLCTGT: Làm việc với Bộ Xây dựng đề ban hành định mức trạm trộn bê tông nhựa công suất >120 T/h, định mức giằng cát chung.

6- Chi phí trượt giá của các dự án TPCP QLI đoàn Thanh Hóa-Cần Thơ và đường HCM qua Tây Nguyên: Bộ đã ủy quyền cho các Ban QLDA duyệt chi phí trượt giá, tuy nhiên thực tế đa số các Ban QLDA thực hiện không thông nhất, chưa đúng theo chỉ đạo của Bộ tại văn bản số 11167/BGVT-CQLXD ngày 18/10/2013 và văn bản số 15134/BGVT-CQLXD ngày 13/11/2015 (về tính hệ số điều chỉnh Pn theo hàng mục công trình, thời điểm điều chỉnh trước 28 ngày chủ đầu tư chấp nhận hồ sơ thanh toán....), do vậy, Bộ giao Cục QLXD & CLCTGT:



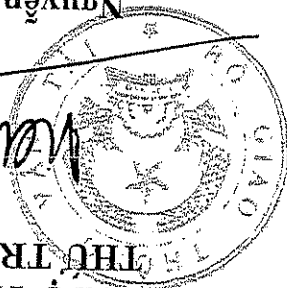
- Làm việc với từng Ban QLDA và Sở GTVT để hướng dẫn các đơn vị thực hiện duyệt dự toán phần trượt giá theo đúng quy định; Làm việc với Bộ Xây dựng để sớm hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Nghị định 207/2013/NĐ-CP (không điều chỉnh giá đối với giá trị tạm ứng);

- Trên cơ sở dự toán phần trượt giá do các Ban QLDA và các Sở GTVT phê duyệt, Cục QLXD & CLCTGT thực hiện kiểm tra dự toán phần trượt giá của toàn bộ các dự án QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường HCM qua Tây Nguyên, có văn bản báo cáo cụ thể số liệu dự toán phần trượt giá cho từng dự án về Bộ GTVT (qua Vụ Tài chính) để làm cơ sở thẩm tra quyết toán.

Yêu cầu các Cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện./s-

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**

*(Signature)*



Nguyễn Nhật

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Bộ trưởng (để b/c);  
- Lưu VT, TC (Tuyên).



Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

## BỘ XÂY DỰNG

Số: 2344 /BXD-KTXD

V/V: định mức cấp phối bê tông  
nhựa mặt đường, Dự án đầu tư xây  
dựng mở rộng QL1, đoạn qua tỉnh  
Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

Kính gửi: Ban quản lý dự án 6

Bộ Xây dựng đã nhận văn bản số 2140/BQLDA6-KTKH ngày 26/10/2016 của Ban quản lý dự án 6 – Bộ Giao thông vận tải về định mức cấp phối bê tông nhựa mặt đường, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng QL1, đoạn qua tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Việc thanh toán hợp đồng thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên và quy định của Nhà nước có liên quan. Việc thi nghiệm cấp phối bê tông nhựa để đảm bảo chất lượng thi công xây dựng công trình. Trường hợp theo chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải yêu cầu thiết kế cấp phối bê tông nhựa theo điều kiện thực tế của công trình phù hợp với đặc tính cơ lý của vật liệu có sẵn tại địa phương, điều kiện về khí hậu, nhiệt độ địa bàn nơi dự án đi qua, việc xác định cấp phối bê tông nhựa được chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu xác nhận, các bên thông nhất trong hợp đồng thanh toán theo cấp phối bê tông nhựa thực tế thi công do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, chủ đầu tư, nhà thầu thi công và đơn vị tư vấn được xác định hệ số hao hụt vật liệu trong quá trình thi công và bảo quản ở kho, bảo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét quyết định, nhưng không vượt mức hao hụt quy định tại văn bản số 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

Căn cứ ý kiến nêu trên của Bộ Xây dựng, Ban quản lý dự án 6 báo cáo Bộ Giao thông vận tải để tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;  
- Lưu VT, KTXD (S)





Số: 826/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Công bố định mức dự toán xây dựng công trình cho các dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ (Đợt 1).

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 6  
CÔNG VẬN ĐẾN  
Số: 1390  
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông báo số 55/TB-VPCP ngày 21/02/2012 và số 373/TB-VPCP ngày 08/11/2012 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại các cuộc họp thường trực Chính phủ về Đề án mở rộng QL1 giai đoạn 2012-2020 và về kế hoạch, cơ chế đặc thù triển khai các dự án mở rộng QL1 đoạn Hà Nội - Cần Thơ và dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên (QL14 cũ);

Căn cứ Văn bản số 193/TB-VPCP ngày 14/5/2013 của Văn phòng Chính phủ Thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng về triển khai thực hiện các dự án cải tạo, mở rộng QL1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-BGTVT ngày 03/5/2013 của Bộ GTVT Ban hành Quy chế triển khai thực hiện các dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1 trên đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3682/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2014 của Bộ GTVT về việc giao kế hoạch xây dựng định mức xây dựng công trình giao thông;

Căn cứ Văn bản số 41/BXD-KTXD ngày 09/01/2017 của Bộ Xây dựng về việc định mức xây dựng công trình các dự án mở rộng QL1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ;

Xét Tờ trình số 2570/PMUI-KTKH ngày 17/9/2015 của Ban QLDA 1, số 2882/TT-BQLDA7 ngày 14/9/2015 của Ban QLDA 7 kèm theo hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức do Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục QLXD & CLCTGT tại báo cáo tham định số 248/CQLXD-BB3 ngày 27/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 07 định mức dự toán XDCT cho các dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ (Đợt 1) như sau:

1. Bê tông bản mặt cầu đổ tại chỗ;

2. Sản xuất, lắp dựng cốt thép bản mặt cầu;
3. Lắp dựng dầm bản bê tông dự ứng lực ( $L=24m$ ) bằng phương pháp đúc cầu trên càn;
4. Lắp dựng tấm bê tông đúc sẵn rãnh thoát nước dọc hình thang bằng thủ công, trong lượng cầu kiện  $\leq 50$  kg;
5. Lắp dựng tấm lợp chống chọi tên đại phân cách;
6. Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn rãnh thoát nước dọc hình chữ U;
7. Lắp dựng tấm đan nắp đầy rãnh thoát nước dọc.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ lập và quản lý chi phí xây dựng công trình cho các Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoàn Thanh Hóa - Càn Thợ. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Ban QLDA, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư tổng hợp báo cáo Bộ GTVT để điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Các định mức dự toán xây dựng công trình nêu trên được thực hiện trên cơ sở khảo sát hiện trường tại dự án với điều kiện địa hình, yêu cầu kỹ thuật và biện pháp thi công của dự án mở rộng QL1 đoàn Thanh Hóa - Càn Thợ. Khi sử dụng các định mức trên để lập dự toán cho các công trình khác, Chủ đầu tư các công trình cần căn cứ điều kiện, biện pháp thi công và yêu cầu kỹ thuật của công trình, đặc điểm máy móc thiết bị, biện pháp thi công cụ thể để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 4.** Các Ông Cục trưởng Cục Quản lý XD & CL CTGT, Vụ trưởng các Vụ KHDĐT, Vụ KHCN, Vụ Tài chính, Tổng Giám đốc các Ban QLDA 1, 4, 5, 6, 7, 8, 85, ATGT, Thanh Long, đường Hồ Chí Minh, Giám đốc các Sở GTVT Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

*MT*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Viện KTXD-Bộ XD;
- Lưu VT, CQLXD (4b). *04/5*

KT. BỘ TRƯỞNG  
THANH TRƯỞNG  
*Nguyễn Ngọc Đông*

1. QK.11210 BÊ TÔNG BÀN MẶT CẦU ĐỘ TÀI CHỖ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, lắp đặt, tháo dỡ, di chuyển ống bơm bê tông. Đổ và bảo dưỡng bê tông đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Mã	Công tác	Thành phần	Đơn vị	Số lượng
QK.112	Bê tông bàn mặt cầu độ tài chỗ	Vật liệu Vữa bê tông Vật liệu khác Nhân công 3,0/7 Máy bơm bê tông 50m <sup>3</sup> /h Máy đầm bàn 1kW Máy khác	m <sup>3</sup> % công ca ca %	1,015 1,0 0,74 0,033 0,089 1

Đơn vị tính: 1m<sup>3</sup>

2. QK.11300 SÀN XUẤT, LẬP DỪNG CỘT THÉP BÀN MẶT CẦU

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, kéo, nắn, cắt uốn, hàn, nối, đặt buộc cốt thép đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

Mã	Công tác	Thành phần	Đơn vị	Đường kính cốt thép (mm)
QK.113	Sàn xuất, lập dừng cột thép bàn mặt cầu	Vật liệu Thép tròn Dây thép Que hàn Nhân công 3,5/7 Máy thi công Máy hàn 23kW Máy cắt uốn 5kW	kg kg kg công ca ca	1.020 14,28 4,64 9,10 1,160 0,320
			≤10	≤18
			Đường kính cốt thép (mm)	>18

Đơn vị tính: 1 tấn

### 3: QK.11410 LẬP DẠM BÀN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC (L=24m) BẢNG PHƯƠNG PHÁP ĐAU CẦU TRÊN CÁN

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, đưa cầu vào vị trí, nâng thử, cầu dầm bằng 2 cầu 40T vào vị trí lắp đặt, lắp đặt dầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Mã	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
QK.114	Lắp dầm bàn bê tông cốt thép dự ứng lực (L=24m) bằng phương pháp đầu cầu trên cần	Vật liệu Gỗ kê Vật liệu khác Nhân công 4,5/7 Cần cầu 40T Máy khác	m <sup>3</sup>	0,12
			%	2,0
			công	1,88
			ca	0,25
			ca	5

Đơn vị tính: 1 dầm

### 4. QK.11510 LẬP ĐẶT TẦM BÊ TÔNG ĐỤC SÀN RĂNG THOÁT NƯỚC ĐỘC HÌNH THANG BĂNG THỦ CÔNG, TRỒNG LƯỜNG CẦU KIỆN ≤50KG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, trộn vữa, lắp đặt tằm bê tông đục sàn vào vị trí bằng thủ công, căn chỉnh, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu, cầu kiện trong phạm vi 30m.

Đơn vị tính: 1 tằm

Mã	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
QK.115	Lắp đặt tằm bê tông đục sàn răng thoát nước độc hình thang bằng thủ công, trồng lườm cầu kiện ≤50kg	Vật liệu Vữa xi măng Vật liệu khác Nhân công 3,5/7	m <sup>3</sup>	0,003
			%	5
			công	0,06
				10



5. QB.11110 LẬP DỰNG TẠM LƯỚI CHỐNG CHỚI TRÊN DÀI PHÂN CÁCH

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, đánh dấu vị trí lắp dựng, khoan tạo lỗ, lắp trụ và tấm lưới chống chới trên dài phân cách đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

Đơn vị tính: mđ

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
QB.111	Lắp dựng tấm lưới chống chới trên dài phân cách	Vật liệu -Vật liệu chính: Tấm lưới chống chới, trụ thép, bu lông các loại... -Vật liệu khác Nhân công 3,5/7 Máy thi công Máy khoan bê tông 0,75kW	% công ca	1,5 0,06 0,013
				Theo thiết kế
				10

QB.11200 LẬP ĐẶT CẦU KIẾN BÊ TÔNG ĐỤC SÀN RÀNH THOÁT NƯỚC DỌC, BẢNG CÀN CẦU

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, lắp đặt cầu kiện vào vị trí bằng càn cầu, căn chỉnh hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu, cầu kiện trong phạm vi 30m.

6. QB.11210 LẬP ĐẶT CẦU KIẾN BÊ TÔNG ĐỤC SÀN RÀNH THOÁT NƯỚC DỌC HÌNH CHỮ U

7. QB.11220 LẬP ĐẶT TẠM ĐẠN NẠP ĐẦY RÀNH THOÁT NƯỚC DỌC

Đơn vị tính: 1 cầu kiện

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Rãnh thoát nước dọc hình chữ U	Tấm đan nạp đầy rãnh thoát nước
QB.112	Lắp đặt cầu kiện bê tông đục sẵn rãnh thoát nước dọc hình chữ U	Vật liệu Vữa xi măng	m <sup>3</sup>	0,002	-
QB.112	Lắp đặt tấm đan nạp đầy rãnh thoát nước dọc	Nhân công 3,5/7 Máy thi công Cần cầu 6T	công ca	0,11 0,025	0,03 0,012
				10	20



**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

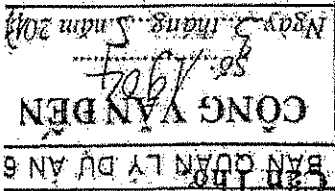
Số: 1232/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

V/V: Công bố định mức sản xuất bê tông nhựa bằng trạm trộn công suất 120T/h cho các dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoàn Thanh Hóa - Cầu Trống

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**



Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng; Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông báo số 55/TB-VPCP ngày 21/02/2012 và số 373/TB-VPCP ngày 08/11/2012 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại các cuộc họp thường trực Chính phủ về Đề án mở rộng QL1 giai đoạn 2012-2020 và về kế hoạch, cơ chế đặc thù triển khai các dự án mở rộng QL1 đoàn Hà Nội - Cần Thơ và dự án đường Hồ Chí Minh đoàn qua khu vực Tây Nguyên (QL14 cũ);

Căn cứ Văn bản số 193/TB-VPCP ngày 14/5/2013 của Văn phòng Chính phủ Thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng về triển khai thực hiện các dự án cải tạo, mở rộng QL1 và đường Hồ Chí Minh đoàn qua khu vực Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-BGTVT ngày 03/5/2013 của Bộ GTVT Ban hành Quy chế triển khai thực hiện các dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1 trên đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3682/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2014 của Bộ GTVT về việc giao kế hoạch xây dựng định mức xây dựng công trình giao thông;

Căn cứ Văn bản số 41/BXD-KTXD ngày 09/01/2017 của Bộ Xây dựng về việc định mức xây dựng công trình các dự án mở rộng QL1 đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ;

Xét To trình số 682/BQLDA4-BDHQL1 ngày 24/4/2017 của Ban QLDA 4, số 617/BQLDA7-KTKH ngày 25/4/2017 của Ban QLDA 7 kèm theo hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức do Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện (Văn bản số 842/VKT-DM-GXD ngày 24/4/2017);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục QLXD & CLCTGT tại báo cáo tham định số 327/CQLXD-DB3 ngày 26/4/2017;

## QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố định mức dự toán XDCT công tác sản xuất bê tông nhựa bảng trăm trôn 120T/h cho các dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Càn Thoa.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ lập và quản lý chi phí xây dựng công trình cho các Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Càn Thoa. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Ban QLDA, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư tổng hợp báo cáo Bộ GTVT để điều chỉnh cho phù hợp.

### Điều 3.

Định mức dự toán xây dựng công trình công tác sản xuất bê tông nhựa bảng trăm trôn 120T/h được thực hiện trên cơ sở khảo sát hiện trường tại dự án mở rộng QL1 đoạn Thanh Hóa - Càn Thoa với thông số kỹ thuật Trám trộn bê tông nhựa có công suất 120T/h có hệ thống kiểm soát tự động được thực hiện hoạt động cân và trộn cho từng mẻ trộn, công suất buồng trộn 1500kg/m<sup>3</sup>, với độ ẩm vật liệu đá, cát ≤ 4%.

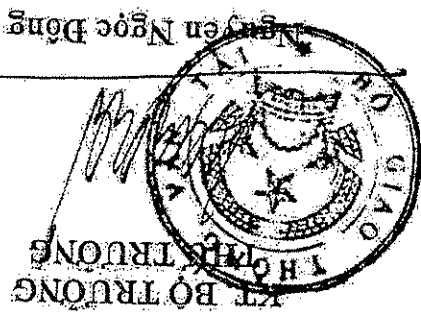
Đổi với các trăm trôn có công suất từ 80T đến 120T/h có thể dùng phương pháp nội suy, đồng thời rà soát các điều kiện quy định về năng lực máy móc thiết bị (công suất thiết bị tối thiểu) theo quy định của Hồ sơ mời thầu. Hợp đồng đã ký làm cơ sở để thành quyết toán theo quy định.

Khi sử dụng định mức trên để lập dự toán cho các công trình khác Chủ đầu tư các công trình cần rà soát lại thông số kỹ thuật của trạm trộn để xem xét, điều chỉnh, vận dụng cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 4. Cục trưởng Cục Quản lý XD & CL CTGT; Vụ trưởng các Vụ: KHBT, KHCN, Tài chính, Đối tác công tư, Tổng Giám đốc các Ban QLDA 1, 4, 5, 6, 7, 8, 85, ATGT, Thăng Long, đường Hồ Chí Minh; Giám đốc các Sở GTVT Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi và Thủ tướng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Viện KTXD-Bộ XD;
- Lưu VT, CQLXD (4b).



PHỤ LỤC  
 (theo Quyết định số 1251/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2017 của Bộ GTVT)

**OK.1110 SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHỰA TRÁM TRỘN 120T/h**

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, đun dầu diesel làm nóng dầu bảo ôn đến 140-160°C, bơm dầu bảo ôn lên máy nhựa, phun dầu mazut vào buồng đốt, sấy vật liệu, trộn cấp phối theo thiết kế, sản xuất bê tông nhựa trên dây chuyền trạm trộn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 50m.

Đơn vị tính: 100 tấn

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
OK.111	Sản xuất bê tông nhựa bằng trạm trộn 120T/h	Vật liệu	kg	150
		Dầu diesel	kg	850
		Dầu mazut	kg	42,5
		Dầu bảo ôn	kg	1,95
		Nhân công 4,5/7	công	0,210
		Máy thi công	ca	0,210
		Trạm trộn bê tông nhựa 120T/h	ca	0,161
		Máy xúc 2,3m <sup>3</sup>	ca	2
		Máy trộn 110CV	%	10
		Máy khác	%	10

Ghi chú: Hao phí vật liệu đá, cát, bột đá, nhựa cần cứ theo thiết kế của công trình.



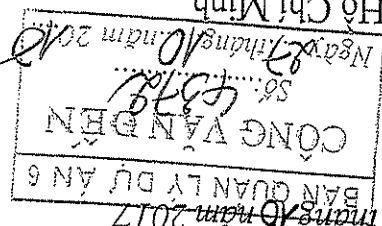
**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: 12036 / BGT-VT-CQLXD

V/V: Nguyên giá trạm trộn bê tông nhựa công suất 120T/h.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017



Kính gửi:

- Các Ban QLDA: 2, 4, 5, 6, 7, 85, đường Hồ Chí Minh và Thăng Long;
- Các Sở GTVT: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế và Long An;
- Các Nhà đầu tư BOT các dự án mở rộng QL1.

Ngày 02/10/2017, Bộ Xây dựng có Văn bản số 2310/BXD-KTXD về việc xác định nguyên giá trạm trộn bê tông nhựa, trong đó thông nhất nguyên giá trạm trộn BTN 120T/h theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 9659/BGT-VT-CQLXD ngày 24/8/2017.

Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các Ban QLDA: 2, 4, 5, 6, 7, 85, đường Hồ Chí Minh và Thăng Long; các Sở GTVT: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Long An; các Nhà đầu tư BOT các dự án mở rộng QL1 căn cứ nội dung Văn bản số 2310/BXD-KTXD ngày 02/10/2017 của Bộ Xây dựng và Văn bản số 9659/BGT-VT-CQLXD ngày 24/8/2017 của Bộ Giao thông vận tải để thực hiện nghiệm thu thanh, quyết toán chi phí xây dựng công trình.

(gửi kèm Văn bản số 2310/BXD-KTXD ngày 02/10/2017 của Bộ Xây dựng và Văn bản số 9659/BGT-VT-CQLXD ngày 24/8/2017 của Bộ GTVT).

Nơi nhận:

- Như tên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ TC (để t/h);
- Thanh tra Bộ;
- Lưu VT, CQLXD (03).

**KT. BỘ TRANSPORT**  
**THU TRƯNG**

Nguyễn Ngọc Đông





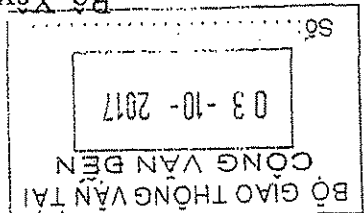
Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2017

BỘ XÂY DỰNG

Số: 2340 /BXD-KTXD

V/v xác định nguyên giá trạm

trạm bê tông nhựa



Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Bộ Xây dựng đã nhận văn bản số 9659/BGTVT-CQLXD ngày 24/8/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc xác định nguyên giá trạm bê tông nhựa. Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư sử dụng, vận dụng, tham khảo giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng đã được công bố làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình. Trường hợp các loại máy và thiết bị thi công xây dựng không có trong công bố hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sử dụng và điều kiện thi công của công trình thì chủ đầu tư tổ chức xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công của công trình theo hướng dẫn của Phụ lục số 6 Thông tư số 06/2016/TT-BXD.

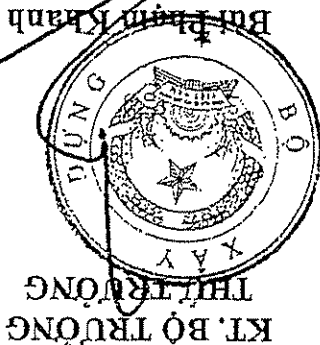
Đối với trạm trộn bê tông nhựa 120T/h, chủ đầu tư sử dụng, vận dụng, tham khảo giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng đã được địa phương công bố làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình. Trường hợp chủ đầu tư tổ chức xây dựng giá ca máy thì nguyên giá máy được xác định theo báo giá của nhà cung cấp, theo hợp đồng mua bán máy và các chi phí khác liên quan để đưa máy vào trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc tham khảo nguyên giá máy từ các công trình tương tự đã và đang thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với mặt bằng giá máy trên thị trường tại thời điểm tính giá ca máy. Để đảm bảo nguyên tắc quản lý thông nhất của dự án, Bộ Xây dựng thông nhất với đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại văn bản số 9659/BGTVT-CQLXD.

Bộ Giao thông vận tải căn cứ ý kiến nêu trên chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, KTXD (S)



Ban Quản lý Khu phố



Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

V/V: Thỏa thuận xác định nguyên giá  
trạm trôn BTN công suất 120T/h.

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ bắt đầu được triển khai từ cuối năm 2013 và đã cơ bản hoàn thành vào cuối năm 2015. Hiện nay, Bộ GTVT đang thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành. Trong quá trình quyết toán có vướng mắc liên quan đến đơn giá ca mây trạm trôn BTN công suất 120T/h như sau:

1. Công tác thẩm định, thẩm tra dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ liên quan đến công tác sản xuất BTN bằng trạm trôn 120T/h

Các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ được thực hiện quản lý chỉ phí xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010. Do công trình trải dài theo tuyến đi qua địa bàn 17 tỉnh, thành phố nên Bộ GTVT đã chỉ đạo xây dựng đơn giá ca mây và thiết bị thi công theo quy định tại Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về "Hướng dẫn phương pháp xác định giá ca mây và thiết bị thi công xây dựng công trình" để quản lý chỉ phí đầu tư xây dựng cho thông nhất toàn bộ các dự án.

Khi triển khai thực hiện dự án mở rộng QLI và đường Hồ Chí Minh đoàn qua Tây Nguyên, Bộ GTVT yêu cầu sử dụng trạm trôn > 100T/h; tuy nhiên, hệ thống định mức do Bộ Xây dựng công bố chỉ có định mức công tác sản xuất BTN trạm trôn (50 - 80)T/h. do đó, Bộ GTVT đã lập kế hoạch xây dựng định mức công tác sản xuất BTN bằng trạm trôn công suất 120T/h và giao các Ban QLDA ký hợp đồng với Viện KTXD - Bộ Xây dựng thực hiện khảo sát, xây dựng định mức.

Trên cơ sở ý kiến thỏa thuận định mức của Bộ Xây dựng tại văn bản số 41/BXD-KTXD ngày 09/01/2017, Bộ GTVT đã công bố định mức sản xuất BTN bằng trạm trôn công suất 120T/h theo thẩm quyền tại Quyết định số 1232/BGTVT-CQLXD ngày 27/4/2017.

## 2. Vướng mắc trong quá trình thực hiện

- Tại thời điểm thực hiện dự án, các địa phương chưa công bố đơn giá trạm trôn BTN công suất > 80T/h, nên dự toán được lập thấp hơn, thậm chí vẫn dùng định mức sản xuất BTN bằng trạm trôn công suất 80T/h.

Trong quá trình thanh tra các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ, một số cơ quan Thanh tra, Kiểm toán có kết luận và đề nghị Bộ GTVT khẩn trương làm việc với Bộ Xây dựng để ban hành định mức sản xuất BTN bằng trạm trôn công suất > 80T/h làm cơ sở thanh quyết toán các công trình.

- Bộ GTVT đã công bố định mức sản xuất BTN bằng trạm trôn công suất 120T/h cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ tại Quyết định số 1232/BGTVT-CQLXD ngày 27/4/2017; tuy nhiên khi áp dụng định mức còn vướng do chưa xác định được nguyên giá trạm trôn 120T/h để xác định giá ca mây.

Theo Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 và số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định: Nguyên giá để tính ca máy công trình được xác định theo báo giá của nhà cung cấp, theo hợp đồng mua bán máy và các chi phí khác liên quan để đưa máy vào trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc tham khảo nguyên giá máy từ các công trình tương tự đã và đang thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với mặt bằng giá máy trên thị trường tại thời điểm tính giá ca máy.

Để có số liệu về nguyên giá trạm trộn, Bộ GTVT đã chỉ đạo Ban QLDA Thăng Long, Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) phối hợp với Viện KTXD - Bộ Xây dựng kiểm tra, rà soát công bố giá ca máy của các địa phương đã có, cấp nhất các chủng loại, xuất xứ thiết bị thực tế hiện có tại Việt Nam để xác định đơn giá ca máy trạm trộn BTN công suất 120T/h làm cơ sở áp dụng thông nhất cho các dự án mở rộng QL1 đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ.

Theo báo cáo của Ban QLDA Thăng Long, trên cơ sở tổng hợp chứng từ mua bán trạm BTN của các đơn vị tham gia thi công dự án, nguyên giá trạm trộn BTN công suất 110 + 120T/h khoảng 7,37 ÷ 15,15 tỷ đồng (quy đổi theo tỷ giá USD tháng 01/2014) tùy thuộc vào chủng loại, công nghệ, xuất xứ sản xuất;

Theo báo cáo của Tư vấn TEDI tại văn bản số 2430/TEDI-QLCL&NCPT ngày 10/8/2017, từ sau thời điểm tháng 11/2015 đến nay có 18 địa phương công bố đơn giá ca máy trạm trộn BTN công suất 120T/h, nhưng do các dự án ở địa phương thường có quy mô nhỏ, ít sử dụng trạm BTN công suất lớn nên nguyên giá công bố khác nhau. Trên cơ sở số liệu thông kê, Tư vấn tính toán xác định và đề xuất lựa chọn nguyên giá trạm trộn BTN công suất 120T/h là 6.737.442.000 đồng; Ban QLDA Thăng Long đã rà soát, kiểm tra và thông nhất đề nghị chấp thuận áp dụng cho các dự án mở rộng QL1.

### 3. Kiến nghị

Để có cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thành quyết toán các dự án mở rộng QL1 đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ (kể cả các dự án đã thỏa thuận, phê duyệt quyết toán), Bộ Giao thông vận tải đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, có ý kiến thỏa thuận về nguyên giá trạm trộn BTN công suất 120T/h với giá trị là 6.737.442.000 đồng như tính toán, đề xuất của Tư vấn TEDI và Ban QLDA Thăng Long.

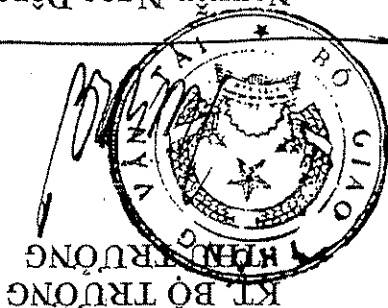
"Gửi kèm 01 bộ hồ sơ về xác định nguyên giá trạm trộn BTN công suất 120T/h"

Rất mong nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Quý Bộ/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban QLDA Thăng Long (để p/h);
- TEDI (để p/h);
- Viện KTXD - Bộ XD (để p/h);
- Lưu VT, CQLXD (3).

Nguyễn Ngọc Đông



KT. BỘ TRƯỞNG

KH Lee

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2017

Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ (Đợt 2).

CỘNG HÒA VIỆT NAM

Ngày 9 tháng 10 năm 2016

2/21/20

Thygesen, Carl d/c

[illegible]

07/08/2020

(The last day)

MC

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố định mức dự toán công tác lắp đặt khe co giãn thép mắt cầu kiểu ray C50 bằng phương pháp lắp sau, áp dụng cho các dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ (có phụ lục chi tiết kèm theo).

### Điều 2.

- Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ lập và quản lý chi phí xây dựng công trình cho các Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Ban QLDA, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư tổng hợp báo cáo Bộ GTVT để điều chỉnh cho phù hợp.

- Định mức dự toán xây dựng công trình nêu trên được thực hiện trên cơ sở khảo sát hiện trường tại dự án với điều kiện địa hình, yêu cầu kỹ thuật và biện pháp thi công của dự án mở rộng QL1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ. Khi sử dụng các định mức trên để lập dự toán cho các công trình khác, Chủ đầu tư các công trình cần căn cứ điều kiện, biện pháp thi công và yêu cầu kỹ thuật của công trình, đặc điểm máy móc thiết bị, biện pháp thi công cụ thể để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Các Ông Cục trưởng Cục Quản lý XD & CL CTGT, Vụ trưởng các Vụ: KHĐT, KHCN, Tài chính; Giám đốc các Ban QLDA: 2, 4, 5, 6, 7, 8, 85, Thăng Long, đường Hồ Chí Minh; Giám đốc các Sở GTVT: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế và Thủ tướng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Nguyễn Ngọc Đông*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Viện KTXD-Bộ XD;
- Lưu VT, CQLXD (4b).

Nguyễn Ngọc Đông

KT. BỘ TRƯỞNG



Ghi chú: Định mức không tác sản xuất, lắp dựng cốt thép và đổ bù vữa không co ngót trong khe co giãn.

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
AL.253	Lắp đặt khe co giãn thép mắt cầu kiểu ray C50 bằng phương pháp lắp sau	Vật liệu Khe co giãn thép kiểu ray C50 Lưới cắt bê tông D356mm Chối cấp Đá mài Que hàn Dây thép Vật liệu khác Nhân công 4,0/7 Máy thi công Máy cắt bê tông MCD 218 Máy mài 1,5kw Máy hàn 23kW Máy khác	m cái cái kg kg kg %	1,05 0,007 0,07 0,315 0,119 0,344 1 0,87 0,006 0,154 0,048 5
				10

Đơn vị tính: 1m

Chuẩn bị, đo lấy dấu vị trí khe, cắt lớp bê tông nhựa tạo rãnh, đục bỏ hỗn hợp bê tông nhựa trong khe; làm sạch bề mặt, tẩy rỉ và nắn chỉnh cốt thép chờ; lắp đặt khe co giãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

Thành phần công việc:

AL.25300 LẮP ĐẶT KHE CO GIẢN THÉP MẶT CẦU KIỂU RAY C50 BẰNG PHƯƠNG PHÁP LẮP SAU

(Kèm theo Quyết định 2185/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ GTVT)

PHỤ LỤC







Số hiệu	Loại công tác	Loại vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức					
10.0081	Nội cốt thép 35 x 35cm	Tôn	Dây 6mm	kg	36,846
		Thép góc	50 x 60 x 6	kg	21,900
		Thép tròn	φ6	kg	1,200
		Đất đèn	kg	0,269	
		Ôxy	chai	0,195	
		Nhựa bi tum	kg	2,800	
		Bia các tông	m <sup>2</sup>	0,400	
		Que hàn	kg	10,400	
		Củi đùn	kg	2,800	
10.0082	Nội cốt thép 40 x 40cm	Tôn	Dây 6mm	kg	56,120
		Thép góc	50 x 60 x 6	kg	27,180
		Thép tròn	φ6	kg	2,000
		Đất đèn	kg	0,317	
		Ôxy	chai	0,260	
		Nhựa bi tum	kg	3,200	
		Bia các tông	m <sup>2</sup>	0,500	
		Que hàn	kg	11,300	
		Củi đùn	kg	3,200	

### III. ĐỊNH MỨC VẬT LIỆU LÀM KHE CO DẶN CỦA BƯỜNG LÀN, SÀN ĐỒ SẠN BAY

Số hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Loại vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức						
10.0083	Làm khe ngàm liên kết, khe 1 x 4, h = 30cm	10m	Thép tròn	φ < 18mm	kg	15,99
			Thép tròn	φ 6-8mm	kg	17,78
			Que hàn		kg	0,08
			Nhựa đường		kg	3,58
			Dây thép buộc		kg	0,48
			Củi đùn		kg	3,082
10.0084	Làm khe co, khe 1 x 4, h = 30cm	10m	Thép tròn	φ25mm	kg	51,31
			Thép tròn	φ6-8mm	kg	51,81
			Que hàn		kg	0,18
			Nhựa đường		kg	1,04
			Dây thép buộc		kg	1,32

Tài liệu xây dựng.vn

174

Tủ tài liệu giasaxaydung.vn

## PHẦN II: ĐỊNH MỨC HAO HÚT VẬT LIỆU QUA CÁC KHẤU

### I. ĐỊNH MỨC HAO HÚT VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG THI CÔNG

Hao hút vật liệu trong khâu thi công bao gồm hao hút vận chuyển thi công và hao hút lúc thi công. Hao hút vật liệu được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với khối lượng gốc. Tỷ lệ hao hút giữa khâu thi công và hao hút lúc thi công được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với khối lượng gốc. Tỷ lệ hao hút thi công này đã tính bình quân cho mọi biện pháp thi công.

Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hút thi công theo % khối lượng gốc
00.0001	Bột đá loại có bao	0,5
00.0002	Bột đá loại không bao	1,0
00.0003	Bột chi phòng gi	1,0
00.0004	Bột phòng mục	1,0
00.0005	Bột chịu lửa	0,5
00.0006	Bột màu	0,5
00.0007	Bột đá	0,5
00.0008	Bulong, lắp lách, ecu	1,5
00.0009	Bàn đảo bằng gỗ nhóm 4, 5	2,0
00.0010	Bột minium	1,5
00.0011	Bột ventonit	2,0
00.0012	Cát vàng	2,0
00.0013	Cát mịn	2,5
00.0014	Cường sứ bằng sắt	2,0
00.0015	Cường sứ bằng gỗ nhóm 2, 3	4,0
00.0016	Cường sứ bằng gỗ nhóm 4, 5	4,0
00.0017	Carton Isorol	0,5
00.0018	Cột gỗ	0
00.0019	Cột tre	0
00.0020	Dây sắt làm dây co	5,0
00.0021	Dây thép buộc	2,0
00.0022	Dây thép buộc trong lò	3,0
00.0023	Dây đồng	2,0
00.0024	Dây nhôm	2,0
00.0025	Dây súp dùng sửa chữa	2,0
00.0026	Cáp các loại	2,0
00.0027	Công tác, cầu chì, sứ, dui bóng đèn các loại	2,0

Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc
00.0028	Dây buộc, quàn, hãm	2,0
00.0029	Chống xà gỗ nhóm 4, 5	1,0
00.0030	Chống xà gỗ nhóm 2, 3	1,0
00.0031	Dầu pha sơn	1,0
00.0032	Dầu cần	1,5
00.0033	Dầu Creosote	5,0
00.0034	Day	1,0
00.0035	Bê dăm các loại 2 ÷ 8	1,5
00.0036	Bê hộp	0
00.0037	Bê đeo mặt	2,0
00.0038	Bê ong	0,5
00.0039	Bê để láng granitô	0,5
00.0040	Bê dền	0
00.0041	Bê mặt 0,5 ÷ 2	5,0
00.0042	Bê V và U	2,0
00.0043	Bê Crămpông	1,5
00.0044	Bê Tirobông	0,5
00.0045	Bê nh	0,5
00.0046	Bông tấm	2,5
00.0047	Bê gỗ các loại	1,0
00.0048	Gạch vụn	1,5
00.0049	Gạch chỉ	1,5
00.0050	Gạch si li cát	2,0
00.0051	Gạch thẻ	1,5
00.0052	Gạch nung 4 lỗ, 6 lỗ, 10 lỗ	1,0
00.0053	Gạch hourdis các loại	1,5
00.0054	Gạch xi măng khối (blocs)	1,0
00.0055	Gạch đất không nung	1,5
00.0056	Gạch sành	0,5
00.0057	Gạch lá nem	1,5
00.0058	Gạch lát xi măng, gạch ceramic, gạch granit nhân tạo	0,5
00.0059	Gạch lát xi măng puzzle	1,0
00.0060	Gạch cầm thạch, gạch lát granitô	0,25
00.0061	Gạch vữa	0,5
00.0062	Gạch xi măng tự chèn	1,0
00.0063	Gạch lá dừa	0,5
00.0064	Gạch kính	1,5
00.0065	Gạch trang trí	1,0

Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc
00.0066	Gạch men sứ	1,5
00.0067	Gạch chịu lửa sản xuất trong nước	3,0
00.0068	Gạch chịu lửa nhập ngoài	1,5
00.0069	Đá xẻ để lát, ốp	0,5
00.0070	Gỗ tròn bất cấp phân (hao hụt gia công lần đầu)	10,0
00.0071	Gỗ hộp (tính cho loại khác với quy định ở phần gỗ)	0,5
00.0072	Gỗ ván khuôn (hao hụt gia công lần đầu)	5,0
00.0073	Gỗ nẹp chống giãn giãn	3,0
00.0074	Giấy dầu	4,0
00.0075	Phibro xi măng	1,5
00.0076	Hắc ín	4,5
00.0077	Kính các loại	12,5
00.0078	Kéo da trâu	1,0
00.0079	Lá	2,0
00.0080	Lati - Liti	5,0
00.0081	Lưới sắt 1cm <sup>2</sup>	10,0
00.0082	Lưới ni lông 1mm <sup>2</sup>	10,0
00.0083	Mattit	1,0
00.0084	Mây	4,0
00.0085	Mặt	2,0
00.0086	Muối	0,5
00.0087	Nhôm	5,0
00.0088	Nhựa bi tum số 3	5,0
00.0089	Nhựa bi tum số 4 trở lên	5,0
00.0090	Nựa	3,0
00.0091	Ngôi 22 viên/m <sup>2</sup>	3,0
00.0092	Ngôi 13 viên/m <sup>2</sup>	2,5
00.0093	Ngôi bờ	2,0
00.0094	Ngôi dẹt	2,5
00.0095	Phèn chua	0,5
00.0096	Puli các cỡ	1,0
00.0097	Que hàn nội	0
00.0098	Que hàn ngoài	0
00.0099	Ray	0
00.0100	Ri vẽ dùng trên bờ	5,0
00.0101	Ri vẽ dùng trên mặt nước	7,0
00.0102	Rông đen dần hồi nội	1,5

Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc
00.0103	Rõng đen đàn hồi ngoài	1,0
00.0104	Sơn	2,0
00.0105	Flinkote	2,0
00.0106	Sỏi	2,0
00.0107	Sắt tròn cây	2,0
00.0108	Sắt tròn cuộn	0,5
00.0109	Sắt tấm	5,0
00.0110	Sắt hình	2,5
00.0111	Tôn mui dài ≤ 2m	1,0
00.0112	Tôn mui chiều dài bất kỳ	0,5
00.0113	Tấm nhựa lớp mái	1,0
00.0114	Sứ các loại	1,0
00.0115	Siroport	5,0
00.0116	Thép ống	3,0
00.0117	Thiếc	1,5
00.0118	Tích sứ các loại các cỡ	1,5
00.0119	Than xỉ	5,0
00.0120	Than đá	3,0
00.0121	Tre cây	0,5
00.0122	Tà vẹt gỗ từ thiết	0,5
00.0123	Tà vẹt gỗ hồng sắc	1,0
00.0124	Thép cầu cũ (dùng lại)	0,25
00.0125	Cọc bê tông cốt thép	1,0
00.0126	Thùng	0,5
00.0127	Ván các loại dùng vào công việc không có kích thước cố định	5,0
00.0128	Ván các loại có ghép mỏng	6,0
00.0129	Ván các loại có kích thước đúng yêu cầu	3,0
00.0130	Vôi cục	2,0
00.0131	Véc ni	1,0
00.0132	Vadolín	1,5
00.0133	Xà gỗ nhóm 4, 5	1,0
00.0134	Xăng, dầu các loại	2,0
00.0135	Xút	1,0
00.0136	Xà phòng	1,0
00.0137	Xi măng các loại	1,0

## II. ĐỊNH MỨC HAO HÚT VỮA BÊ TÔNG

Vữa bê tông, ngoài việc được tính hao hụt các loại vật liệu cấu tạo nên nó như xi măng, cát, đá, sỏi qua các khâu như đã quy định trong mức hao hụt vật liệu, còn được tính theo hao hụt vữa trong khi vận chuyển và đổ bê tông vào công trình. Tỷ lệ hao hụt vữa trong khi vận chuyển và đổ bê tông vào công trình đã tính gộp vào một. Tỷ lệ hao hụt này được tính so với khối lượng gốc.

Số hiệu	Loại bê tông	Mức hao hụt (%)
00.0138	Bê tông đổ tại chỗ bằng thủ công, bằng cần cầu	2,5
00.0139	Bê tông đổ tại chỗ bằng máy bơm bê tông	1,5
00.0140	Bê tông đổ tại chỗ cọc khoan nhồi	10,0
00.0141	Bê tông ống xiphông, ống phun, ống búng, ống cống, cầu măng, vòm, miệng phễu đổ tại chỗ bằng thủ công	5
00.0142	Bê tông đúc sẵn	1,5

## III. ĐỊNH MỨC HAO HÚT VẬT LIỆU KHẤU TRUNG CHUYÊN

Trường hợp phải tổ chức trung chuyển do thay đổi phương tiện vận tải hay di chuyển vật liệu trên công trường do thay đổi mặt bằng thi công, thì mỗi lần trung chuyển được tính một tỷ lệ hao hụt theo quy định trong bảng sau:

Tỷ lệ hao hụt này được tính so với khối lượng vật liệu đã mua mà phải trung chuyển.

Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hụt (%)
00.0143	Vật liệu ở thể bột không chứa trong bao bì.	2
00.0144	Vật liệu ở thể bột, thể nhuyền hay nước (trừ axit) chứa bằng bao bì.	1
00.0145	Vật liệu ở thể hạt, rời, xốp.	1
00.0146	Vật liệu ở thể được cấu tạo, sản xuất có hình dạng nhất định và đếm theo đơn vị: viên, cái, cây...	0,5

#### IV. BÌNH MỨC HAO HÚT VẬT LIỆU KHẤU GIA CÔNG

Ngoài hao hụt vật liệu ở khâu thi công, vận chuyển ngoài công trình và bảo quản tại kho (nếu có), nếu vật liệu phải qua khâu gia công trước khi sử dụng thì được tính tỷ lệ hao hụt. Tỷ lệ hao hụt này được tính so với khối lượng vật liệu phải qua khâu gia công quy định trong bảng sau:

Số hiệu	Loại công tác	Đơn vị tính	Loại vật liệu	Đơn vị	Số lượng
00.0147	Rửa sỏi	1m <sup>3</sup> sỏi sạch	Sỏi bản	m <sup>3</sup>	1,05
00.0148	Rửa cát mịn	1m <sup>3</sup> cát sạch	Cát mịn	m <sup>3</sup>	1,10
00.0149	Rửa đá dăm	1m <sup>3</sup> đá dăm	Đá dăm bản	m <sup>3</sup>	1,03
00.0150	Sàng đá dăm	1m <sup>3</sup> đá dăm	Đá dăm xô	m <sup>3</sup>	1,06
00.0151	Sàng cát vàng	1m <sup>3</sup> cát vàng	Cát xô	m <sup>3</sup>	1,07
00.0152	Sàng sỏi	1m <sup>3</sup> sỏi	Sỏi xô	m <sup>3</sup>	1,06
00.0153	Sản xuất đá ba (đá học ra đá ba)	1m <sup>3</sup> đá ba	Đá học	m <sup>3</sup>	1,08
00.0154	Sản xuất đá 4 x 6	1m <sup>3</sup> đá 4 x 6	Đá học	m <sup>3</sup>	1,10
00.0155	Sản xuất đá 2 x 4	1m <sup>3</sup> đá 2 x 4	Đá học	m <sup>3</sup>	1,15
00.0156	Sản xuất đá 0,5 x 1	1m <sup>3</sup> đá 0,5 x 1	Đá học	m <sup>3</sup>	1,20
00.0157	Xẻ gỗ các loại $\phi \leq 30\text{cm}$	1m <sup>3</sup> gỗ xẻ	Gỗ tròn $\phi \leq 30\text{cm}$	m <sup>3</sup>	2,00
00.0158	Xẻ gỗ các loại $\phi > 30\text{cm}$	1m <sup>3</sup> gỗ xẻ	Gỗ tròn $\phi > 30\text{cm}$	m <sup>3</sup>	1,67

1. Các tỷ lệ hao hụt của từng khâu đều được tính bằng % so với khối lượng cần dùng cho công trình (khối lượng gốc).

2. Tỷ lệ hao hụt trong khâu vận chuyển ngoài công trình đã tính bình quân cho các loại phương tiện với mọi cự ly và tính cho một lần bốc dỡ (bốc lên phương tiện, dỡ từ phương tiện xuống).

3. Tỷ lệ hao hụt trong khâu bảo quản đã tính bình quân cho mọi thời hạn.

ĐÌNH MỨC HAO HÚT VẬT LIỆU TRONG VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN

Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hụt theo %		Vận chuyển	Bảo quản
		ngoài công trình	ở kho		
00.0159	Bột đá loại có bao	0,25	0,25	1	0,5
00.0160	Bột đá loại không bao	2	0,25	0,5	0
00.0161	Bột chịu lửa	0,25	0,25	0,5	0
00.0162	Bột màu	0,25	0,25	0,5	0
00.0163	Bột đá	0,25	0,25	0,5	0
00.0164	Bột minium	1	0,25	0,5	0
00.0165	Cát vàng	3	0,25	0,5	0
00.0166	Cát mịn	2	0,25	0,5	0
00.0167	Cường sứ bằng gỗ nhóm 4, 5	0,5	0,25	0,5	0
00.0168	Carton Isorol	0,25	0,25	0,5	0
00.0169	Cột gỗ	0	0,25	0,5	0
00.0170	Cột lư	0,25	0,25	0,5	0
00.0171	Công tắc, cầu chì, sứ, dui bóng đèn các loại	0,5	0,25	0,5	0
00.0172	Chống xà gỗ nhóm 4, 5	1	0,5	0,5	0
00.0173	Chống xà gỗ nhóm 2, 3	0,5	0,5	0,5	0
00.0174	Day	1	0,5	0,5	0
00.0175	Bã dăm các loại 2 ÷ 8	1	0,5	0,5	0
00.0176	Bã hộp	1	0,5	0,5	0
00.0177	Bã đeo mặt	1	0,5	0,5	0
00.0178	Bã ong	1	0,5	0,5	0
00.0179	Bã lạng granitô	0,25	0,5	0,5	0
00.0180	Bất đèn	1	0,25	0,5	0
00.0181	Bã mặt 0,5 ÷ 2	2	0,5	0,5	0
00.0182	Gạch nung các loại	1	0,5	0,5	0
00.0183	Gạch silicat	2	0,5	0,5	0
00.0184	Gạch xi măng khối (biéc)	1	0,5	0,5	0
00.0185	Gạch đất không nung	2	0,5	0,5	0
00.0186	Gạch sành	0,5	0,5	0,5	0
00.0187	Gạch lát xi măng, gạch lá nem	0,5	0,5	0,5	0
00.0188	Gạch cầm thạch, gạch lát granitô	0,25	0,5	0,5	0
00.0189	Gạch kính	0,5	0,5	0,5	0
00.0190	Gạch trang trí	0,5	0,5	0,5	0
00.0191	Gạch men sứ, gạch ceramic, gạch granit nhân tạo	0,5	0,5	0,5	0
00.0192	Gạch chịu lửa	1	0,5	0,5	0



Số hiệu	Loại vật liệu	Mức hao hụt theo %	
		khối lượng gốc	Bảo quản
00.0193	Phibro xi măng	1,5	ngoài công trình
00.0194	Kính	2,5	
00.0195	Là	0,5	
00.0196	Mây	1	
00.0197	Mặt	3	
00.0198	Muối	0,5	
00.0199	Nhựa bi tum số 3	0	
00.0200	Nhựa bi tum số 4 trở lên	0	
00.0201	Nửa	0,5	
00.0202	Ngói 22 viên/m <sup>2</sup>	2	
00.0203	Ngói 13 viên/m <sup>2</sup>	1,5	
00.0204	Ngói bờ	2	
00.0205	Ngói dẹt	3	
00.0206	Phên chua	0,5	
00.0207	Puli các cỡ	0,5	
00.0208	Que hàn nội	0	
00.0209	Que hàn ngoài	0	
00.0210	Sơn	0	
00.0211	Sỏi	1	
00.0212	Sứ các loại	0,5	
00.0213	Siropot	0	
00.0214	Than xỉ	1	
00.0215	Than đá	1	
00.0216	Tre cây	0,5	
00.0217	Thùng	0,5	
00.0218	Với cục	2	
00.0219	Vécní	1	
00.0220	Vaddlin	0	
00.0221	Xà gỗ nhóm 4, 5	0,5	
00.0222	Xăng, dầu các loại	0,5	
00.0223	Xà phòng	0	
00.0224	Xi măng các loại	0,5	



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017*

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Số: 15541/BGTVT-CQLXD**

V/v: Xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công đèn công trường xây dựng và đơn giá sản xuất BTN bằng trạm có 80T/h < công suất < 120T/h cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ.

Kính gửi:

- Các Ban QLDA: 2, 4, 5, 6, 7, 85, đường Hồ Chí Minh, và Thăng Long;
- Các Sở GTVT: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế và Long An;
- Các Nhà đầu tư BOT các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường Hồ Chí Minh qua Tây Nguyên.

Bộ Giao thông vận tải nhận được văn bản số 2033/PMUTL-DA2 ngày 22/11/2017 của Ban QLDA Thăng Long về việc xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đèn công trường xây dựng và đơn giá sản xuất bê tông nhựa cho các trạm trộn có 80T/h < công suất < 120T/h cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ.

Xét báo cáo của Cục QLXD & CLCTG tại văn bản số 3236/CQLXD-DB3 ngày 29/11/2017, Bộ GTVT có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận phương pháp xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đèn công trường xây dựng cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ, đường Hồ Chí Minh qua Tây Nguyên và đơn giá sản xuất BTN bằng các trạm trộn BTN công suất > 80T/h và < 120T/h cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ theo nội dung báo cáo của Ban QLDA Thăng Long tại văn bản số 2033/PMUTL-DA2 ngày 22/11/2017 như sau:

1.1. Xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đến công trường xây dựng

a) Về di chuyển thiết bị:

- Danh mục máy, thiết bị đặc chủng xác định trên nguyên tắc: Phải phù hợp với bảng kê khai máy móc thiết bị trong Hồ sơ yêu cầu, Hồ sơ đề xuất... và trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu máy móc thiết bị và thể hiện trong nhật ký công trình được Chủ đầu tư và TVGS xác nhận.
- Địa điểm huy động và khoảng cách vận chuyển: Căn cứ bảng kê khai máy móc, thiết bị thi công chủ yếu của nhà thầu đề xuất để xác định nguồn gốc máy móc, thiết bị làm cơ sở xác định nơi đi: Từ trụ sở chính của Nhà thầu hoặc chi nhánh gần nhất của nhà thầu hoặc công trình thi công gần nhất trước đó để xác định nơi đi theo nguyên tắc lựa chọn cự ly vận chuyển ngắn nhất. Trường hợp Nhà thầu đi thuê máy móc thiết bị thì không tính chi phí di chuyển.
- Xác định chi phí vận chuyển:

- + Đối với loại máy, thiết bị không tự di chuyển được như: máy lu, máy ủi, máy san, máy rải..., xác định bằng ô tô đầu kéo hoặc thiết bị chuyên dùng để vận chuyển, vận tốc di chuyển tính bình quân khoảng 40Km/h để làm cơ sở xác định số ca máy/thiết bị vận tải

(1) ca làm việc = 8h). Tài trọng chuyên chở tới đa phụ thuộc vào từng chủng loại thiết bị vận tải, tính trung bình 30 tấn/chuyến để tính số chuyến xe cho phù hợp;

+ Đối với loại máy tự di chuyển được (ô tô, cầu bánh lốp...) xác định bằng số ca máy tự hành với vận tốc trung bình khoảng 40Km/h để xác định số ca di chuyển đến công trình.

+ Đối với các loại thiết bị nhỏ khác như: đầm dùi, đầm bàn, máy nén khí..., không tính chi phí do bỏ trị để lên xe ô tô tự di chuyển được.

b) Di chuyển lao động:

Lực lượng lao động được tính di chuyển đến công trường xây dựng là công nhân có tay nghề, thợ điều khiển, vận hành thiết bị thuộc biên chế quản lý doanh nghiệp, có hợp đồng lao động dài hạn, có trong bảng kê khai nhân lực phục vụ thi công công trình trong hồ sơ đề xuất và thể hiện trong nhật ký công trình được Chủ đầu tư và TVGS xác nhận. Đối với các thợ lái máy các xe tự di chuyển được như: Lái xe ô tô, lái cầu bánh lốp... thì không tính di chuyển đổi với nhân lực lái xe do đã tính trong ca máy di chuyển.

c) Dự toán chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đến công trường xây dựng sau khi tính toán đảm bảo không vượt 0,5% chi phí xây dựng của gói thầu.

1.2. Xác định đơn giá sản xuất BTN bằng BTN 80T/h < công suất < 120T/h cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ.

Xác định đơn giá sản xuất BTN bằng trạm trộn có 80T/h < công suất < 120T/h, theo nguyên tắc nội suy từ đơn giá sản xuất BTN bằng trạm 80T/h và 120T/h cho từng công trình, gói thầu riêng đảm bảo phù hợp với mặt bằng giá của từng dự án.

2. Giao các Ban QLDA, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường Hồ Chí Minh đoàn qua Tây Nguyên chỉ đạo các nhà thầu phối hợp với Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát căn cứ hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất, các điều kiện quy định trong hợp đồng của từng gói thầu xây lắp, lập dự toán chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đến công trường xây dựng, đơn giá sản xuất BTN bằng trạm trộn BTN 80T/h < công suất < 120T/h cho các gói thầu và chịu trách nhiệm tổ chức tham định, phê duyệt dự toán chi phí làm cơ sở thực hiện nghiệm thu thanh, quyết toán chi phí xây dựng công trình.

Căn cứ các ý kiến trên, yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ TC (để t/h);
- Thanh tra Bộ;
- Lưu VT, CQLXD (03). *ĐVT*



Nguyễn Ngọc Đông

KT BỘ TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2017

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC QLXD & CLCTGT  
Số: 3236/CQLXD-DB3

V/v: Xác định chi phí di chuyển  
thiết bị thi công đền công tường và  
đơn giá sản xuất BTN cho các trạm  
trộn có 80T/h < công suất < 120T/h  
cho các dự án mở rộng QLI đoàn  
Thanh Hóa - Cần Thơ.

Kính gửi: Bộ giao thông vận tải.

Cục QLXD & CLCTGT (Cục QLXD) nhận được Văn bản số 2033/PMUTL-DA2 ngày 22/11/2017 của Ban QLDA Thăng Long về việc xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công đền công tường xây dựng và đơn giá sản xuất BTN cho các trạm trộn có 80T/h < công suất < 120T/h cho các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ. Sau khi nghiên cứu, Cục QLXD kính báo cáo Bộ GTVT như sau:

**1. Quá trình thực hiện, nội dung báo cáo của Ban QLDA Thăng Long:**

Trong quá trình nghiên cứu thu thập quyết toán các dự án mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường Hồ Chí Minh đoàn qua khu vực Tây Nguyên còn tồn tại vướng mắc về xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công đền công tường xây dựng và đơn giá sản xuất BTN cho các trạm trộn có công suất > 80T/h và < 120T/h.

Thời gian qua Bộ GTVT đã có các văn bản đề nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn. Ngày 06/9/2017, Bộ Xây dựng có văn bản số 2090/BXD-KTXD phức tạp, trong đó đề nghị Bộ GTVT chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ vào điều kiện cụ thể của dự án xác định các loại máy thi công đặc chủng, trên cơ sở đó tổ chức lập dự toán chi phí di chuyển thiết bị thi công; đối với chi phí vận chuyển các loại máy thi công đặc chủng có thể cần cử vào phương án vận chuyển, giá cước vận chuyển của địa phương hoặc giá hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn vận chuyển, đảm bảo phù hợp với giá thị trường.

Bộ GTVT đã có các văn bản số 10689/BGTVT-CQLXD ngày 20/9/2017, số 11745/BGTVT-CQLXD ngày 18/10/2017 và Cục QLXD có văn bản số 2999/CQLXD - DB3 ngày 08/11/2017 gửi Ban QLDA Thăng Long và Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) yêu cầu nghiên cứu, đề xuất xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động xây dựng và đơn giá ca máy trạm trộn BTN công suất 100T/h. Sau khi nghiên cứu, TEDI và Ban QLDA Thăng Long đã rà soát và báo cáo tại văn bản số 3465/TEDI-QCL&NCP ngày 16/11/2017, số 2033/PMUTL-DA2 ngày 22/11/2017 như sau:

**1.1. Về xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đền công tường xây dựng:**

a) Về chi phí di chuyển thiết bị thi công đền công tường:

- Về danh mục máy, thiết bị đặc chủng xác định trên nguyên tắc: máy móc thiết bị phải phù hợp với bảng kê khai máy móc thiết bị trong Hồ sơ yêu cầu, Hồ sơ đề xuất... và trên cơ sở hồ sơ nghiên cứu máy móc thiết bị và thể hiện trong nhật ký công trình được Chủ đầu tư và TVGS xác nhận.

+ Đối với loại máy, thiết bị không tự di chuyển được như: máy lu, máy ủi, máy san, máy rải... xác định bằng ô tô đầu kéo hoặc thiết bị chuyên dùng để vận chuyển.

đề xuất của TED1 và Ban QLDA Thăng Long cơ bản phù hợp điều kiện thực tế dự án.

- Các vấn đề này đã được Tư vấn nghiên cứu kỹ lưỡng và báo cáo nhiều lần. Nội dung

- Bộ Xây dựng chưa hướng dẫn rõ ràng về xác định chi phí di chuyển thiết bị thi công đến công trường và chưa công bố định mức hao phí cho tính toán giá ca máy các trạm trộn

- Đơn giá sản xuất BTN bằng 80T/h và 120T/h đã đủ cơ sở để xác định theo quy định. Để nghị xác định đơn giá sản xuất BTN đối với trạm trộn có 80T/h < công suất < 120T/h, theo nguyên tắc nội suy cho từng công trình, gói thầu riêng đảm bảo phù hợp với mặt bằng giá của từng dự án.

- Tài Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng chỉ công bố định mức hao phí (số ca năm, định mức: khâu hao, sửa chữa, nhiên liệu, nhân công ....) cho các loại trạm trộn 80T/h và 120T/h mà không công bố cho loại trạm 80T/h < công suất < 120T/h, nên chưa đủ điều kiện để xác định nguyên giá ca máy làm cơ sở xác định đơn giá ca máy các loại trạm trộn BTN 80T/h < công suất < 120T/h.

cho các dự án mở rộng QLLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ.

dùng sau khi tính toán đảm bảo không vượt 0,5% chi phí xây dựng của gói thầu.

c) Dự toán chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đến công trường xây

Lực lượng lao động được tính di chuyển là lực lượng công nhân có tay nghề, thợ điện khí. Văn hành thiết bị thuộc biên chế quân sự quản lý doanh nghiệp, có hợp đồng lao động dài hạn, có trong bảng kê khai nhân lực công cộng và thi công công trình trong hồ sơ đề xuất và thể hiện trong nhật ký công trình được Chủ đầu tư và TVGS xác nhận. Đối với các thợ lái máy của các xe tự di chuyển được như: lái xe ô tô, lái cầu bành lóp... thì

(b) Về chi phí duy động lực lượng lao động đến công trình xây dựng:

- Về địa điểm huy động và khoáng cách vận chuyển: cần cử bảng kê khai máy móc, thiết bị thi công chủ yếu trong hồ sơ đề xuất của nhà thầu để xác định nguồn gốc máy móc, thiết bị làm cơ sở xác định nơi đi, từ từ bỏ chính của Nhà thầu hoặc chỉ nhân gần nhất của nhà thầu hoặc công trình thi công gần nhất trước đó để xác định nơi đi theo nguyên tắc lựa chọn cứ lý vận chuyển gần nhất. Trường hợp Nhà thầu đi thuê máy móc thiết bị thì không tính chi phí di chuyển.

+ Đòi với các loại thiết bị nhỏ khác như: dầm dùi, dầm bàn, máy nén khí..., không tính chi phí do bố trí dễ lên xe ô tô tự di chuyển được.

congruent.

+ Đối với loại máy tự di chuyển được (ô tô, cầu bánh lốp,...) xác định bằng số ca máy tự hành với vận tốc trung bình khoảng 40Km/h để xác định số ca di chuyển đến

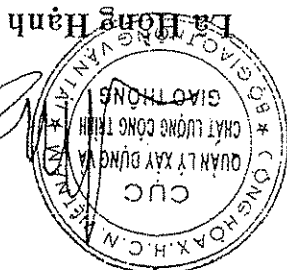
vận tốc di chuyển tính bình quân khoảng 40K/m/h để làm cơ sở xác định số ca máy/thiết bị vận tải (1 ca làm việc = 8h). Tải trọng chuyển chở tối đa phụ thuộc vào từng chủng loại thiết bị vận tải, tính trung bình 30 tấn/1chuyến để tính số chuyến xe cho phù hợp;

bảng các trạm trộn BTN công suất > 80T/h và < 120T/h cho các dự án mở rộng QL1 đoàn Thanh Hóa- Cần Thơ nội dung báo cáo của Ban QLDA Thăng Long tại Văn bản số 2033/PMU/TL-DA2 ngày 22/11/2017.

+ Giao các Ban QLDA, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư các dự án mở rộng QL1 đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên chỉ đạo các nhà thầu phối hợp với Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát căn cứ hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất, các điều kiện quy định trong hợp đồng của từng gói thầu xây lắp, lập dự toán chi phí di chuyển thiết bị thi công, lực lượng lao động đến công trường xây dựng, đơn giá sản xuất BTN bằng trạm trộn BTN 80T/h < công suất < 120T/h cho các gói thầu và chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí làm cơ sở thực hiện nghiệm thu thanh, quyết toán chi phí xây dựng công trình.

Cục QLXD & CLCTGT kính báo cáo Bộ GTVT xem xét, quyết định./. *ĐV*

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nơi nhận:  
- Như trên;  
- TTr Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);  
- TTr Nguyễn Nhật (để b/c);  
- Cục trưởng (để b/c);  
- Lưu VP, DB3



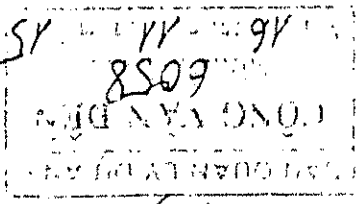


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Alamy - Pro TGA

Hà Nội ngày 13 tháng 11 năm 2015

Chữ ký và đóng dấu của Ban QLDA



Các Ban QLDA: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 85, ATGT, Thăng Long, đường Hồ Chí Minh;

- Các Sở GTVT: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Long An, Kon Tum.

THÔNG TIN KINH GỬI

Số: 1534/BGTVT-CQLXD  
V/v rà soát, báo cáo về việc điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán và điều chỉnh giá hợp đồng các Dự án nâng cấp, mở rộng QL1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ và đường HCM đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

Các Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng QL1 đoạn Thanh Hóa - Cần Thơ và Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên sử dụng nguồn vốn TPCP đến nay đã cơ bản hoàn thành. Để đảm bảo quan lý chặt chẽ và chính xác nguồn vốn đầu tư, chuẩn bị tốt việc thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo phù hợp quy định, hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các Sở GTVT, Ban Quản lý dự án thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát, báo cáo cụ thể các nội dung liên quan đến việc tạm duyệt, phê duyệt chính thức, phê duyệt điều chỉnh dự toán của tài cả các gói thầu thuộc dự án. Đối với các đơn vị chưa phê duyệt dự toán chính thức, khẩn trương lập, trình duyệt hồ sơ dự toán chính thức cho toàn dự án.

2. Lập báo cáo thuyết minh dự toán, nêu rõ những thay đổi so với dự toán tạm duyệt hoặc duyệt chính thức, trong đó báo cáo rõ nguyên nhân, căn cứ pháp lý trong việc bổ sung, điều chỉnh, thay đổi về khối lượng, đơn giá so với thiết kế, dự toán đã được tạm duyệt hoặc duyệt chính thức; thời điểm xác định giá vật liệu, nhân công và máy thi công làm cơ sở lập, phê duyệt dự toán; đặc biệt, thuyết minh, giải trình cụ thể phương thức kiểm soát khối lượng các nguồn vật liệu, việc điều chỉnh nguồn cung cấp vật liệu, vì trị nằm trong kế toán bù trừ, tránh trộn bù trong xi măng và các nội dung khác làm thay đổi đơn giá, giá trị hợp đồng.

Đối với với những nội dung bổ sung, thay đổi, điều chỉnh thiết kế, dự toán làm tăng chi phí xây dựng nêu trên, Sở GTVT, Ban Quản lý dự án báo cáo rõ nguyên nhân, tách nhiệm của các đơn vị Tư vấn và các chủ thể khác có liên quan và đề xuất giải pháp xử lý cụ thể.

3. Trình toán, tổng hợp các giá trị khối lượng phát sinh, thay đổi nêu trên theo Biểu như phụ lục đính kèm; trong đó báo cáo riêng đối với các hạng mục đã có đầy đủ cơ sở pháp lý, các hạng mục chưa có đầy đủ cơ sở cần xin ý kiến chỉ đạo của Bộ.

4. Trình toán phần điều chỉnh giá hợp đồng

Trên cơ sở dự toán trình duyệt, tính toán giá trị điều chỉnh giá hợp đồng đến thời điểm 31/10/2015 và dự kiến giá trị điều chỉnh giá hợp đồng cho các hạng mục công việc còn lại; trong đó thực hiện theo các nội dung sau:

- Công việc điều chỉnh giá hợp đồng áp dụng cho từng hàng mục công việc trong biểu khối lượng hợp đồng (theo Bill thanh toán) theo hướng dẫn của Bộ GTVT tại văn bản số 11167/BKGT-VT-CQLXID ngày 18/10/2013;

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện theo từng kỳ thanh toán;

- Tỷ trọng chi phí (các hệ số a, b, c...) trong công thức điều chỉnh giá hợp đồng được xác định trên cơ sở dự toán trình duyệt hoặc dự toán được phê duyệt chính thức;

- Thời điểm gốc điều chỉnh giá hợp đồng là thời điểm 28 ngày trước hết hạn nộp HSYC;

- Thời điểm hiện hành điều chỉnh giá hợp đồng là thời điểm 28 ngày trước ngày chủ đầu tư chấp thuận hồ sơ thanh toán;

- Nguồn chi số giá: ưu tiên sử dụng nguồn chi số giá do địa phương công bố; trường hợp địa phương không công bố, có thể xem xét sử dụng chi số giá do Bộ Xây dựng công bố, hoặc sử dụng chi số giá của Tổng cục thống kê nhưng phải đảm bảo nguyên tắc, chi sử dụng một nguồn chi số giá cho toàn bộ các gói thầu thuộc dự án.

- Bảo cáo những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong việc thực hiện điều chỉnh giá hợp đồng.

5. Trên cơ sở kết quả thực hiện các nội dung trên, báo cáo giá trị thanh toán cuối cùng dự kiến của các hợp đồng, bao gồm giá trị điều chỉnh giá hợp đồng (nếu có), giá trị các hàng mục phát sinh, thay đổi trong quá trình thi công xây dựng.

6. Văn bản báo cáo của Sở GTVT, ban Quản lý dự án phải kèm theo đầy đủ hồ sơ, căn cứ pháp lý, gửi về Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Quản lý xây dựng và chất lượng (TCIT)) trước ngày 25/11/2015 để kịp thời tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ (đồng thời, gửi các files báo cáo và số liệu tính toán vào địa chỉ Email: [truongvq@mt.gov.vn](mailto:truongvq@mt.gov.vn)).

Các đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo đảm bảo chính xác, đúng thời hạn yêu cầu; sau thời hạn trên, Bộ GTVT sẽ không xem xét các nội dung điều chỉnh, thay đổi.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện.

*mt*

KT. BỘ TRƯỞNG

THOẠI TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Đông

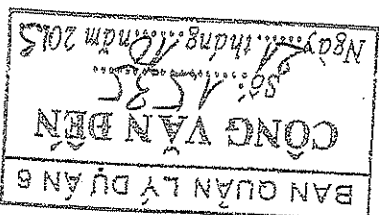
Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Bộ trưởng (để b/c);  
- Các Thứ trưởng;  
- Các Vụ, KINH, TC;  
- Lưu: VT, CQLXID (5).

Số: 4447/BGTVT-CQLXD

V/v: công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện các Dự án nâng cấp, mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và Dự án QL14.

Kính gửi:

- Các Ban QLDA: 1, 2, 5, 6, 7, 85,
- ATGT, Thăng Long, đường Hồ Chí Minh;
- Các Sở GTVT: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Kon Tum.



Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản hướng dẫn và đơn đốc thực hiện các Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và Dự án đường Hồ Chí Minh, đoàn qua khu vực Tây Nguyên (QL14) sử dụng nguồn vốn TPCP. Tuy nhiên, đến nay việc triển khai thực hiện của các Chủ đầu tư, Ban QLDA còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu tiến độ đã cam kết.

Để đáp ứng tiến độ thực hiện dự án theo yêu cầu của Bộ GTVT và đảm bảo phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Giao thông vận tải trong việc thực hiện các Dự án nâng cấp, mở rộng QLI, QL14; Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với các Dự án nâng cấp, mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ:

Ra soát, hoàn thiện nội dung Tập Chỉ dẫn kỹ thuật cho từng gói thầu xây lắp theo ý kiến của Vụ KHCN tại văn bản số 410/KHCN ngày 30/8/2013 gửi kèm theo.

- Đối với việc điều chỉnh giá hợp đồng:

Trong mẫu HSYC đã được Bộ GTVT chấp thuận, điều chỉnh giá hợp đồng phần xây lắp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá và đã nêu công thức tổng quát hướng dẫn áp dụng.

Để đảm bảo chính xác, phù hợp, các hệ số tỷ trọng và công thức điều chỉnh giá cần phải được xác định cho từng hạng mục công việc trong Biểu khối lượng mới thầu và xác định cụ thể trong hợp đồng để thực hiện điều chỉnh giá.

2. Đối với công tác bảo hiểm công trình các Dự án nâng cấp, mở rộng QLI đoàn Thanh Hóa - Cần Thơ và Dự án QL14:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/BCSD ngày 11/10/2013 của Ban Cán sự đảng Bộ GTVT, tiếp tục cho phép thực hiện hợp đồng bảo hiểm đối với các dự án đã chỉ định nhà thầu bảo hiểm; đối với các dự án còn lại cần khẩn trương thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu bảo hiểm theo hình thức chỉ định thầu để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm xây dựng phương án chỉ định nhà thầu bảo hiểm trong số 05 doanh nghiệp bảo hiểm mạnh nhất của Việt Nam để thực hiện bảo hiểm công trình, đảm bảo chất chế, đồng bộ, tập trung theo nhóm các dự án QL1 và QL14 để thuận lợi trong quá trình quản lý, thực hiện hợp đồng bảo hiểm công trình cho các dự án.

Cho phép phê duyệt tạm thời dự toán các gói thầu bảo hiểm làm căn cứ triển khai ngay các công việc để đảm bảo tiến độ các dự án.

Để đảm bảo việc lựa chọn nhà thầu bảo hiểm công trình hoàn thành trước ngày 10/11/2013 theo chỉ đạo của Ban Cán sự đảng Bộ GTVT, yêu cầu các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án trình Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu (nếu có) trước ngày 22/10/2013 làm căn cứ triển khai thực hiện; Trình Bộ GTVT xem xét, thông nhất danh sách nhà thầu nhận Hồ sơ yêu cầu gói thầu bảo hiểm của Dự án trước ngày 25/10/2013.

Đối với các dự án do Bộ GTVT làm chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, trình Bộ GTVT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 05/11/2013.

Nội dung quy định tại mục 2 nêu trên thay thế nội dung văn bản số 10391/BGTVT-CQLXD ngày 01/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu bảo hiểm công trình xây dựng các Dự án QL1 và QL14 sử dụng nguồn vốn TPCP.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc phải kịp thời báo cáo Bộ GTVT để xem xét, giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

(Kèm theo văn bản số 410/KHCN ngày 30/8/2013 của Vụ KHCN)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thư trưởng;
- Các Vụ: KHD, TC, KHCN;
- Lưu: VT, CQLXD (5).

